TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2024/DS-ST
Ngày: 09 – 7 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Minh.

2/ Bà Trần Thị Thanh Thuỷ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐHPT-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.
Trụ sở: 2 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Phan Hải Đ, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt),
Địa chỉ: Lầu F, Số D L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
(Theo văn bản ủy quyền số 256A/2024/UQ-AMC ngày 20/4/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N).

Bị đơn: Ông Phạm Đức M, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Thường trú: Số A V, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Hải Đ - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/8/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây gọi tắt là ngân hàng N) và ông Phạm Đức M đã ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0384/2018/908-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng của Ngân hàng N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với hạn mức là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ngân hàng N đã phát hành cho ông Phạm Đức M sản phẩm thẻ LC MAG Standard Credit Main Card với thông tin như sau: số tài khoản 390804458240002, sản phẩm thẻ LC MAG Standard Credit Main Card; Ngày phát hành 14/8/2018; Ngày kích hoạt 17/8/2018; Lãi suất trong hạn 30%/năm; Lãi suất quá hạn 45%/năm. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Đức M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông M trả nợ, nhưng ông M vẫn không có thiện chí giải quyết nợ vay tín dụng với Ngân hàng.

Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/9/2022, Ngân hàng N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cảm kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng N của ông M đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Toà án buộc ông Phạm Đức M có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/7/2024 là 75.348.894 đồng (trong đó tổng nợ gốc là 38.572.776 đồng và tổng nợ lãi 36.776.118 đồng) cho Ngân hàng N một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và đồng thời phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Phạm Đức M đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng N xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ

vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với ông M, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N yêu cầu bị đơn ông Phạm Đức M trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông M có nơi thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số 256A/2024/UQ-AMC ngày 20/4/2024 của Ngân hàng N ủy quyền cho ông Phan Hải Đ tham gia tố tụng tại Toà án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, tại kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nêu " *Đương sự Phạm Đức M, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 1 V, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú"*. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộluật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, ông Phan Hải Đ đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Đức M đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/8/2018 của Ngân hàng N với ông M được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Căn cứ bản khai và tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 09/7/2024 của ngân hàng N cho thấy ông M đã giao dịch bằng thẻ tín dụng LC MAG Standard Credit Main Card số 390804458240002 từ ngày 24/8/2018 đến ngày 23/9/2020. Ngày 24/9/2020 (là ngày ngân hàng N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông M) đến nay ông M chưa thanh toán nợ số tiền gốc là 38.572.776 đồng. Tại Điều 10 và 12 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng có quy định *Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán đối với giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh từ thời điểm ký xác nhận thẻ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số dư nợ và các khoản phải trả khác…" và "Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán số tiền tối thiểu hoặc số tiền đến hạn thì ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.. và có quyền chấm dứt việc sử dụng của Chủ thẻ..."*. Như vậy, ông M không thanh toán số tiền đã thực hiện giao dịch còn lại là vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông M phải thanh toán số tiền nợ gốc.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[2.2.1] Các bên thoả thuận lãi suất trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đối với lãi suất trong hạn là 30%/năm (tương đương với 3.75%/tháng), quá trình sử dụng thẻ ông M vi phạm nghĩa vụ không trả lãi nên nay Ngân hàng N yêu cầu ông M phải trả tiền lãi suất trong hạn là 10.060.014 đồng, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Theo Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà ông M đang sử dụng là *"Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn"*, như vậy theo thoả thuận ông M phải chịu lãi suất quá hạn đối với thẻ LC MAG Standard Credit Main Card là 3.75%/tháng (150% x 2.5%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu ông M trả tiền lãi quá hạn là 26.716.104 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông M phải trả là 36.776.118 đồng.

Lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi ông M thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/8/2018. Do thời hạn ông M không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng N đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Đức M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 09/7/2024 là 75.348.894 (Bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bốn) đồng [trong đó nợ gốc là 38.572.776 (Ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu) đồng và tiền lãi là 36.776.118 (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm mười tám) đồng].

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 10/7/2024 cho đến khi ông M thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/8/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.767.445 (Ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm) đồng, ông Phạm Đức M chịu.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.648.943 đồng (Một triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền số 0002160 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan